Mẫu số 02

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 03/Công Ty Tnhh Thực Phẩm Noom/năm 2019

Số công bố online: https://soyte.quangnam.gov.vn

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM NOOM

Địa chỉ: Tổ 17, thôn Bình Túy, xã Bình Giang, Huyện Thăng Bình, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam

Điện thoại: 0388279426

E-mail: lisa@2kleagues.com

Mã số doanh nghiệp: 4001074770

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 11/GCNATTP-SCT Ngày Cấp: 10/07/2018 /Nơi cấp: Sở Công Thương tỉnh Quảng Nam

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: ĐƯỜNG MÍA THÔ

2. Thành phần: Nước mía và nước vôi trong

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng kể từ ngày sản xuất

NSX và HSD được ghi trên bao bì

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Trọng lượng tịnh: 150g, 300g, 500g,1000g, 1500g,2000g, 2500g, 3000g,3500g,4000g, 45000g … và theo yêu cầu khách hàng được ghi rõ trên nhãn sản phẩm

- Chất liệu bao bì: hộp giấy , túi nhựa … hoặc theo yêu cầu khách hàng đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo qui định của Bộ Y Tế.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm: Công ty TNHH Thực Phẩm Noom

Tổ 17, thôn Bình Túy, xã Bình Giang, Huyện Thăng Bình, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam

III. Mẫu nhãn sản phẩm : (Theo file kèm)

Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Công Ty Tnhh Thực Phẩm Noom kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-1:2011/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

- QCVN 8-2:2011/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

- TCCS số 03/Công Ty Tnhh Thực Phẩm Noom/ năm 2019

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố và chỉ đưa sản phẩm vào sản xuất, kinh doanh khi đã được cấp Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm./.

Quảng Nam, ngày 12 tháng 04 năm 2019

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

M.S.D.N: 4001074770 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM NOOM
TỈNH QUẢNG NAM

GIÁM ĐỐC

Bùi Thị Hồng Thu

TIÊU CHUẨN CƠ SỞ

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN THĂNG BÌNH	TIÊU CHUẨN CƠ SỞ	Số: 03/Công Ty Tnhh Thực Phẩm Noom/ năm 2019
CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM NOOM	ĐƯỜNG MÍA THÔ	Có hiệu lực kể từ ngày ký

1. YÊU CẦU KỸ THUẬT.

1.1. Chỉ tiêu cảm quan:

- Trạng thái: dạng cục vuông, vỡ vụn, bột, không đồng nhất

- Màu sắc: Màu vàng , nâu.

- Mùi, vị: Mùi thơm đặc trưng của sản phẩm, không có mùi, vị lạ.

1.2. Các chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Độ ẩm	g/100g	≤ 13

1.3. Các chỉ tiêu vi sinh vật:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	10^4
2	Tổng số bào tử nấm men-mốc	CFU/g	10^2
	Coliforms	CFU/g	10
	E.Coli	CFU/g	0
	Staphylococcus aureus	CFU/g	10

	Salmonella	/25g	0
	B.cereus	CFU/g	10

1.4. Hàm lượng kim loại nặng:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Hàm lượng Asen (As)	mg/kg	1,0
2	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/kg	1,0
3	Hàm lượng thủy ngân (Hg)	mg/kg	0,05
4	Hàm lượng chì (Pb)	mg/kg	0,5

1.5 Hàm lượng hóa chất không mong muốn (Độc tố nấm mốc):

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
01	Hàm lượng Aflatoxin B1	µg/kg	5
02	Hàm lượng Aflatoxin tổng	µg/kg	15

WARRANTEK

VILAS 686

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

Số /No: 1911019015

Ngày/ Date: 14/11/2019

Tên khách hàng /Client's name: **CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM NOOM**
Địa chỉ /Address: Tổ 17 , thôn Bình Túy, xã Bình Giang, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam

Tên mẫu/ Name of Sample: Đường mía thô
Mô tả mẫu/ Sample description: Đường mía chứa trong túi nhựa
Số niêm phong /Seal No.: Không niêm
Ngày nhận mẫu/ Receiving date: 09/11/2019
Ngày phân tích/ Analysing date: 09/11/2019

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Chỉ tiêu/Parameter	**Đơn vị tính**/ Unit	**Kết quả**/ Result	**LOD**	**Phương pháp**/Test method
Total Plate Count/ Tổng vi sinh vật hiếu khí (30°C)	CFU/g	6.2×10^2	-	ISO 4833-1:2013 (*)
Coliforms	CFU/g	Not detected (<10)	-	ISO 4832:2006 (*)
Escherichia coli	MPN/g	0	-	ISO 7251:2005 (*)
Total the spores of Yeast, Mould/ Tổng bào tử men mốc	CFU/g	Not detected (<10)	-	FDA/BAM CHAPTER 18:2001
Bacillus cereus	CFU/g	Not detected (<10)	-	ISO 7932:2004 (*)
Staphylococcus aureus	CFU/g	Not detected (<10)	-	ISO 6888-1:1999/Amd 1:2003 (*)
Aflatoxin B1	µg/kg	Not detected	0.5	WRT/TM/LC/01.13:2019 (LC/MS/MS) (*)
Total Aflatoxin (B1, B2, G1, G2)/ Aflatoxin tổng (B1, B2, G1, G2)	µg/kg	Not detected	0.5	WRT/TM/LC/01.13:2019 (LC-MS/MS) (*)
Ochratoxin A	µg/kg	Not detected	1	WRT/TM/LC/01.10 (LC/MS/MS)
Characteristic/ Trạng thái	-	Cục vuông, vỡ vụn và bột không đồng nhất	-	WRT/TM/NC/01.40
Color/ Màu sắc	-	Vàng, nâu đặc trưng của sản phẩm	-	WRT/TM/NC/01.40
Moisture/ Độ ẩm	%	8.68	-	TCVN 3700:1990(*)
Odor, taste/ Mùi, vị	-	Mùi, vị đặc trưng của sản phẩm. Không có mùi, vị lạ	-	WRT/TM/NC/01.40
Cadmium/Cadimi (Cd)	mg/kg	Not detected	0.03	AOAC 2013.06 (*)
Lead/Chì (Pb)	mg/kg	Not detected	0.04	AOAC 2013.06 (*)

▪ WARRANTEK JOINT STOCK COMPANY - TESTING CENTER
Lot A39-26, Nguyen Van Cu Street, My Phuoc Hamlet, My Khanh Village, Phong Dien District, Can Tho City, Viet Nam,
Tel: (+84) 292 391 8840 Fax: (+84) 292 391 8846
Email: operation@warrantek.com

▪ HCM Branch - Testing Center:
Van Dat Building, Lot II-1, Street 1, Tan Binh Industrial Park,Tay Thanh Ward, Tan Phu District, HCMC, Viet Nam.
▪ HA NOI Branch: 132, Nguyen Tuan Street, Thanh Xuan District, Ha Noi City.
▪ CA MAU Branch: 219B, Le Hong Phong Street, Ward 8, Ca Mau City.

WARRANTEK

VILAS 686

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

Số /No: 1911019015

Ngày/ Date: 14/11/2019

Tên khách hàng /Client's name: **CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM NOOM**
Địa chỉ /Address: Tổ 17 , thôn Bình Túy, xã Bình Giang, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam

Tên mẫu/ Name of Sample: Đường mía thô
Mô tả mẫu/ Sample description: Đường mía chứa trong túi nhựa
Số niêm phong /Seal No.: Không niêm
Ngày nhận mẫu/ Receiving date: 09/11/2019
Ngày phân tích/ Analysing date: 09/11/2019

Note/ *Ghi chú:*

(*) Phương pháp được VILAS công nhận/ *Method is accredited by VILAS*
(**) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ/ *Parameter is tested by subcontractor*
- Tên mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ *Name of sample is written as client's request.*
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ *This result is valid on tested sample only.*
- Không được sao chép một phần kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Ban Giám Đốc công ty cổ phần Warrantek/ *This test report shall not be reproduced except in full without the written approval of Director of Warrantek*

Phòng kiểm nghiệm/ *Laboratory*

Huỳnh Hữu Phúc

Đại diện công ty/ *On behalf of Warrantek*

CÔNG TY CỔ PHẦN WARRANTEK

Phạm Bích Kiều

▪ **WARRANTEK JOINT STOCK COMPANY - TESTING CENTER**
Lot A39-26, Nguyen Van Cu Street, My Phuoc Hamlet, My Khanh Village, Phong Dien District, Can Tho City, Viet Nam.
Tel: (+84) 292 391 8840 Fax: (+84) 292 391 8846
Email: operation@warrantek.com

▪ **HCM Branch - Testing Center:**
Van Dat Building, Lot II-1, Street 1, Tan Binh Industrial Park,Tay Thanh Ward, Tan Phu District, HCMC, Viet Nam.
▪ **HA NOI Branch:** 132, Nguyen Tuan Street, Thanh Xuan District, Ha Noi City.
▪ **CA MAU Branch:** 219B, Le Hong Phong Street, Ward 8, Ca Mau City.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM SƠ BỘ

Mã số mẫu : 743-2024-00005153
Mã số kết quả : AR-24-VD-007759-01 / EUVNHC-00250534

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM NOOM
Tổ 17, Thôn Bình Túy - Xã Bình Giang, Huyện Thăng Bình
Quảng Nam, Việt Nam

Tên mẫu : đường mía thô
Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong túi nhựa
Ngày nhận mẫu : 12/01/2024
Thời gian thử nghiệm : 13/01/2024 - 17/01/2024
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 17/01/2024
Mã số PO của khách hàng : DB9M2401121310

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD174 VD **Tạp chất**		TCVN 4808:2007 (ISO 4149:2005)	**Không phát hiện tạp chất lạ.**
2	VD128 VD **CaO**	mg/ kg	EVN-R-RD-2-TP-3507 (Ref. AOAC 968.08 (2011))	**1743**
3	VD128 VD (a) **Canxi (Ca)**	mg/ kg	EVN-R-RD-2-TP-3507 (Ref. AOAC 968.08 (2011))	**1240**
4	VD190 VD (a) **Magie (Mg)**	mg/ kg	EVN-R-RD-2-TP-3507 (Ref. AOAC 968.08 (2011))	**360**
5	VD255 VD (a) **Kali (K)**	mg/ kg	EVN-R-RD-2-TP-3500	**1880**
6	VD279 VD (a) **Natri (Na)**	mg/ kg	EVN-R-RD-2-TP-3500 (Ref. AOAC 969.23)	**16.2**
7	VD886 VD (a) **Kẽm (Zn)**	mg/ kg	EVN-R-RD-2-TP-5254 (Ref. AOAC 2015.01)	**2.8**
8	VD889 VD (a) **Đồng (Cu)**	mg/ kg	EVN-R-RD-2-TP-5254 (Ref. AOAC 2015.01)	**Phát hiện vết (<1.5)**
9	VD890 VD (a) **Sắt (Fe)**	mg/ kg	EVN-R-RD-2-TP-5254 (Ref. AOAC 2015.01)	**18.8**
10	VD2EC VD (a) **Mangan (Mn)**	mg/ kg	EVN-R-RD-2-TP-20044 (Ref AOAC 2015.01& AOAC 2015.06)	**8.25**
11	VD2EE VD (a) **Selen (Se)**	mg/ kg	EVN-R-RD-2-TP-20044 (Ref AOAC 2015.01& AOAC 2015.06)	**0.10**
12	VD4I5 VD **Độ ẩm**	%	TCVN 6332:2010 (GS 2/1/3-15:2005)	**6.76**
13	VD1L5 VD (a) **Cholin**	mg/ 100 g	EVN-R-RD-1-TP-5634 (Ref. AOAC 997.05)	**Phát hiện vết (<10)**
14	VD1L5 VD (a) **L-carnitine**	mg/ 100 g	EVN-R-RD-1-TP-5634 (Ref. AOAC 997.05)	**Không phát hiện (LOD=2)**
15	VD1L5 VD (a) **Taurin**	mg/ 100 g	EVN-R-RD-1-TP-5634 (Ref. AOAC 997.05)	**Không phát hiện (LOD=5)**
16	VD3VX VD (a) **Vitamin B1 (Thiamin)**	mg/ 100 g	EVN-R-RD-1-TP-3459 (Ref. BS EN 14122:2014)	**Phát hiện vết (<0.1)**
17	VD3WX VD (a) **Niacinamide**	mg/ 100 g	EVN-R-RD-1-TP-5643 (Ref. EN 15652:2009)	**Không phát hiện (LOD=0.03)**

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM SƠ BỘ

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
18	VD3WX VD (a) **Nicotinic acid (Vitamin PP/B3)**	mg/ 100 g	EVN-R-RD-1-TP-5643 (Ref. EN 15652:2009)	**0.14**
19	VD3WX VD (a) **Vitamin B3 (as Niacin)**	mg/ 100 g	EVN-R-RD-1-TP-5643 (Ref. EN 15652:2009)	**0.14**
20	VD3XX VD (a) **Vitamin B5 (Acid Pantothenic)**	mg/ 100 g	EVN-R-RD-1-TP-5644 (Ref. AOAC 2012.16)	**0.74**
21	VD3TX VD (a) **Vitamin B6 (pyridoxine)**	mg/ 100 g	EVN-R-RD-1-TP-5645 (Ref. EN 14663:2005)	**0.37**
22	VD3TX VD (a) **Pyridoxal**	mg/ 100 g	EVN-R-RD-1-TP-5645 (Ref. EN 14663:2005)	**Phát hiện vết (<0.1)**
23	VD3TX VD (a) **Pyridoxamine**	mg/ 100 g	EVN-R-RD-1-TP-5645 (Ref. EN 14663:2005)	**Phát hiện vết (<0.1)**
24	VD3TX VD (a) **Pyridoxine**	mg/ 100 g	EVN-R-RD-1-TP-5645 (Ref. EN 14663:2005)	**0.25**

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Ký tên

Nguyễn Anh Vũ
Trưởng phòng thí nghiệm HCM

Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Ghi chú giải thích

Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp.
Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách.
Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu.
Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Ký Hải Đăng xây dựng.
"VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng.(a) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
ANALYSIS REPORT

Báo cáo số/*Report No.*: 2301000315-1
Ngày/*Date*: 16/01/2023

Số đơn hàng/*Job Order No.*: 2301000315
Tên khách hàng/*Client's name:* **CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM NOOM**
Địa chỉ/*Address:* Tổ 17 , thôn Bình Túy , Xã Bình Giang, Huyện Thăng Bình, Tỉnh Quảng Nam
Thông tin mẫu/*Sample information:* Đường mía thô/Cane Jaggery
Số niêm phong/*Seal No.:* Không niêm/*No seal*
Mô tả mẫu/*Sample description:* Mẫu chứa trong túi nhựa
Ngày nhận mẫu/*Date of sample receipt:* 10/01/2023
Ngày bắt đầu phân tích/*Date of Analysis Commencement:* 11/01/2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/*ANALYSIS RESULT(S)*
[Xem trang kế/*See next page(s)*]

Ghi chú/ *Notes*:
(*)Phương pháp được công nhận ISO/IEC 17025:2017./*ISO/IEC 17025:2017 accredited method.*
- Thông tin mẫu được khách hàng cung cấp/*Sample information provided by clients.*
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/*The analysis result(s) valid on tested sample only.*
- Không được sao chép một phần báo cáo kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Ban Giám Đốc Công ty Cổ phần WARRANTEK/*This Analysis Report shall not be reproduced except in full, without written approval of the Board of Director of WARRANTEK JSC.*

Phòng Kiểm nghiệm
Laboratory

LÊ NHƠN ĐỨC

Đại diện Công ty Cổ phần WARRANTEK
On behalf of WARRANTEK JSC
TỔNG GIÁM ĐỐC

CHÂU THỊ HỒNG VÂN

WARRANTEK JOINT STOCK COMPANY - Testing Center:
Lot A39-26, Nguyen Van Cu street, My Phuoc hamlet, My Khanh village, Phong Dien district, Can Tho city, Viet Nam
Tel: +84-292 391 8840 Fax: +84-292 391 8846
Email: operation@warrantek.vn

HOCHIMINH City Branch – Testing Center:
Van Dat Building, Lot II -1, 1st street, Tan Binh Industrial Park, Tay Thanh ward, Tan Phu district. Ho Chi Minh city, Viet Nam

WARRANTEK

VILAS 686

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
ANALYSIS REPORT

Báo cáo số/*Report No.*: 2301000315-1

Ngày/*Date*: 16/01/2023

STT/ *No.*	**Chỉ tiêu/** *Parameter*	**Đơn vị tính/** *Unit*	**Kết quả/** *Result*	**LOQ**	**Phương pháp/** *Analysis method*
1	2,4-D/*2,4-D*	mg/kg	Không phát hiện/ Not detected	0.005	WRT/TM/LC/01.31:2019 (Ref. EURL-SRM (VER.1,2015))
2	Dicamba/*Dicamba*	mg/kg	Không phát hiện/ Not detected	0.005	WRT/TM/LC/01.31:2019 (Ref. EURL-SRM-02/(V1)/20.05.2015)
3	Chlorantraniliprole /*Chlorantraniliprole*	mg/kg	Không phát hiện/ Not detected	0.01	WRT/TM/LC/01.34:2019 (Ref. AOAC 2007.01; BS EN 15662 : 2008) (*)
4	Clothianidin/*Clothianidin*	mg/kg	Không phát hiện/ Not detected	0.01	WRT/TM/LC/01.34:2019 (Ref. AOAC 2007.01; BS EN 15662 : 2008) (*)
5	Mesotrione/*Mesotrione*	mg/kg	Không phát hiện/ Not detected	0.01	WRT/TM/LC/01.34:2019 (Ref. AOAC 2007.01; BS EN 15662 : 2008)
6	Novaluron/*Novaluron*	mg/kg	Không phát hiện/ Not detected	0.01	WRT/TM/LC/01.34:2019 (Ref. AOAC 2007.01; BS EN 15662 : 2008) (*)
7	Propiconazole /*Propiconazole*	mg/kg	Không phát hiện/ Not detected	0.01	WRT/TM/LC/01.34:2019 (Ref. AOAC 2007.01; BS EN 15662 : 2008)
8	Tebufenozide /*Tebufenozide*	mg/kg	Không phát hiện/ Not detected	0.01	WRT/TM/LC/01.34:2019 (Ref. AOAC 2007.01; BS EN 15662 : 2008) (*)
9	Trinexapac-ethyl /*Trinexapac-ethyl*	mg/kg	Không phát hiện/ Not detected	0.01	WRT/TM/LC/01.34:2019
10	Glyphosate/*Glyphosate*	mg/kg	Không phát hiện/ Not detected	0.01	WRT/TM/LC/01.85:2019 (QuPPe-PO Method (EURL-SRM ver.11.1)) (*)
11	Imazapic/*Imazapic*	mg/kg	Không phát hiện/ Not detected	0.01	WRT/TM/LC/01.34:2019 (Ref. AOAC 2007.01; BS EN 15662 : 2008)

WARRANTEK JOINT STOCK COMPANY - Testing Center:
Lot A39-26, Nguyen Van Cu street, My Phuoc hamlet, My Khanh village, Phong Dien district, Can Tho city, Viet Nam
Tel: +84-292 391 8840 Fax: +84-292 391 8846
Email: operation@warrantek.vn

HOCHIMINH City Branch – Testing Center:
Van Dat Building, Lot II -1, 1st street, Tan Binh Industrial Park, Tay Thanh ward, Tan Phu district. Ho Chi Minh city, Viet Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
ANALYSIS REPORT

Báo cáo số/*Report No.*: 2301000315-1
Ngày/*Date*: 16/01/2023

STT/ *No.*	**Chỉ tiêu/** *Parameter*	**Đơn vị tính/** *Unit*	**Kết quả/** *Result*	**LOQ**	**Phương pháp/** *Analysis method*
12	Isoxaflutole/*Isoxaflutole*	mg/kg	Không phát hiện/ Not detected	0.01	WRT/TM/LC/01.34:2019 (Ref. AOAC 2007.01; BS EN 15662 : 2008)
13	Thuốc BVTV nhóm Clo hữu cơ/*Organochlorine pesticides*	mg/kg	Xem phụ lục đính kèm/ *See appendix*		WRT/TM/GC/01.05 (Ref. AOAC 2007.01)
14	Thuốc BVTV nhóm Lân hữu cơ /*Organophosphorus pesticides*	mg/kg	Xem phụ lục đính kèm/ *See appendix*		WRT/TM/GC/01.05 (Ref. AOAC 2007.01)
15	Thuốc BVTV nhóm Cúc /*Pyrethroid pesticides*	mg/kg	Xem phụ lục đính kèm/ *See appendix*		WRT/TM/GC/01.05 (Ref. AOAC 2007.01)
16	Thuốc BVTV nhóm Carbamate/*Carbamate pesticides*	µg/kg	Xem phụ lục đính kèm/ *See appendix*		WRT/TM/LC/01.16:2019 (Ref. AOAC 2007.01; BS EN 15662 : 2008)
17	Thuốc BVTV nhóm Carbamate/*Carbamate pesticides*	mg/kg	Xem phụ lục đính kèm/ *See appendix*		WRT/TM/LC/01.34:2019 (Ref. AOAC 2007.01; BS EN 15662 : 2008)

WARRANTEK JOINT STOCK COMPANY - Testing Center:
Lot A39-26, Nguyen Van Cu street, My Phuoc hamlet, My Khanh village, Phong Dien district, Can Tho city, Viet Nam
Tel: +84-292 391 8840 Fax: +84-292 391 8846
Email: operation@warrantek.vn

HOCHIMINH City Branch – Testing Center:
Van Dat Building, Lot II -1, 1st street, Tan Binh Industrial Park, Tay Thanh ward, Tan Phu district. Ho Chi Minh city, Viet Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
ANALYSIS REPORT

Báo cáo số/*Report No.*: 2301000315-1
Ngày/*Date*: 16/01/2023

PHỤ LỤC DANH SÁCH NHÓM CHỈ TIÊU/ *APPENDIX:*

STT/ *No.*	**Chỉ tiêu/** *Parameter*	**Đơn vị tính/** *Unit*	**Kết quả/** *Result*	**LOQ**	**Phương pháp/** *Analysis method*
A	Thuốc BVTV nhóm Clo hữu cơ */Organochlorine pesticides*				
1	Cypermethrin (sum of isomers) */Cypermethrin (sum of isomers)*	mg/kg	Không phát hiện/ Not detected	0.01	WRT/TM/GC/01.05 (Ref. AOAC 2007.01)
B	Thuốc BVTV nhóm Lân hữu cơ */Organophosphorus pesticides*				
2	Azinphos-methyl */Azinphos-methyl*	mg/kg	Không phát hiện/ Not detected	0.01	WRT/TM/GC/01.05 (AOAC 2007.01)
3	Ethoprophos */Ethoprophos*	mg/kg	Không phát hiện/ Not detected	0.01	WRT/TM/GC/01.05 (Ref. AOAC 2007.01)
C	Thuốc BVTV nhóm Cúc */Pyrethroid pesticides*				
4	Cyhalothrin (Sum Gamma + lambda) */Cyhalothrin (Sum Gamma + lambda)*	mg/kg	Không phát hiện/ Not detected	0.01	WRT/TM/GC/01.05 (Ref. AOAC 2007.01)
D	Thuốc BVTV nhóm Carbamate */Carbamate pesticides*				
5	Carbofuran */Carbofuran*	µg/kg	Không phát hiện/ Not detected	10	WRT/TM/LC/01.16:2019
E	Thuốc BVTV nhóm Carbamate */Carbamate pesticides*				
6	Aldicarb */Aldicarb*	mg/kg	Không phát hiện/ Not detected	0.01	WRT/TM/LC/01.34:2019 (*)

Tổng số chỉ tiêu/*Total testing parameters*: 18

[Báo cáo kết thúc/*End of report*]

WARRANTEK JOINT STOCK COMPANY - Testing Center:
Lot A39-26, Nguyen Van Cu street, My Phuoc hamlet, My Khanh village, Phong Dien district, Can Tho city, Viet Nam
Tel: +84-292 391 8840 Fax: +84-292 391 8846
Email: operation@warrantek.vn

HOCHIMINH City Branch – Testing Center:
Van Dat Building, Lot II -1, 1st street, Tan Binh Industrial Park, Tay Thanh ward, Tan Phu district. Ho Chi Minh city, Viet Nam

WARRANTEK

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
ANALYSIS REPORT

Báo cáo số/*Report No.*: 2301000315-1
Ngày/*Date*: 16/01/2023

Số đơn hàng/*Job Order No.*: 2301000315
Tên khách hàng/*Client's name:* **CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM NOOM**
Địa chỉ/*Address:* Tổ 17 , thôn Bình Túy , Xã Bình Giang, Huyện Thăng Bình, Tỉnh Quảng Nam
Thông tin mẫu/*Sample information:* Đường mía thô/Cane Jaggery
Số niêm phong/*Seal No.:* Không niêm/*No seal*
Mô tả mẫu/*Sample description:* Mẫu chứa trong túi nhựa
Ngày nhận mẫu/*Date of sample receipt:* 10/01/2023
Ngày bắt đầu phân tích/*Date of Analysis Commencement:* 11/01/2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/*ANALYSIS RESULT(S)*
[Xem trang kế/*See next page(s)*]

Ghi chú/ *Notes*:
- Thông tin mẫu được khách hàng cung cấp/*Sample information provided by clients.*
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/*The analysis result(s) valid on tested sample only.*
- Không được sao chép một phần báo cáo kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Ban Giám Đốc Công ty Cổ phần WARRANTEK/*This Analysis Report shall not be reproduced except in full, without written approval of the Board of Director of WARRANTEK JSC.*

Phòng Kiểm nghiệm
Laboratory

LÊ NHƠN ĐỨC

Đại diện Công ty Cổ phần WARRANTEK
On behalf of WARRANTEK JSC
TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN WARRANTEK

CHÂU THỊ HỒNG VÂN

WARRANTEK JOINT STOCK COMPANY - Testing Center:
Lot A39-26, Nguyen Van Cu street, My Phuoc hamlet, My Khanh village, Phong Dien district, Can Tho city, Viet Nam
Tel: +84-292 391 8840 Fax: +84-292 391 8846
Email: operation@warrantek.vn

HOCHIMINH City Branch – Testing Center:
Van Dat Building, Lot II -1, 1st street, Tan Binh Industrial Park, Tay Thanh ward, Tan Phu district. Ho Chi Minh city, Viet Nam

WARRANTEK

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
ANALYSIS REPORT

Báo cáo số/*Report No.*: 2301000315-1
Ngày/*Date*: 16/01/2023

STT/ *No.*	**Chỉ tiêu/** *Parameter*	**Đơn vị tính/** *Unit*	**Kết quả/** *Result*	**LOD**	**LOQ**	**Phương pháp/** *Analysis method*
1	Đường sacaroza */Saccharose*	%	36.23	0.1		TCVN 4594:1988
2	Tạp chất không tan trong nước	%	Không phát hiện/ Not detected	0.05		WRT/TM/NC/01.55 (Ref. TCVN 5264:1990)
3	Canxi (Ca) */Calcium*	g/100g	0.205		0.5	WRT/TM/EN/01.01:2019 (Ref. AOAC 2013.06)

Tổng số chỉ tiêu/*Total testing parameters*: 3

[Báo cáo kết thúc/*End of report*]

WARRANTEK JOINT STOCK COMPANY - Testing Center:
Lot A39-26, Nguyen Van Cu street, My Phuoc hamlet, My Khanh village, Phong Dien district, Can Tho city, Viet Nam
Tel: +84-292 391 8840 Fax: +84-292 391 8846
Email: operation@warrantek.vn

HOCHIMINH City Branch – Testing Center:
Van Dat Building, Lot II -1, 1st street, Tan Binh Industrial Park, Tay Thanh ward, Tan Phu district. Ho Chi Minh city, Viet Nam